

Bản án số: 45/2019/KDTM-PT  
Ngày 22 tháng 8 năm 2019  
“V/v Tranh chấp giữa người chưa phải  
là thành viên Công ty nhưng có giao  
dịch về chuyển nhượng phần vốn góp  
với Công ty”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Công

*Các thẩm phán:*

Ông Đặng Văn Ý

Ông Võ Văn Khoa

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Đỗ Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2018/TLPT-KDTM ngày 02 tháng 11 năm 2018 về “*Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên Công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với Công ty*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 320/2017/KDTM-ST ngày 24/3/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1720/2019/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1948. Địa chỉ: 241/9H Điện Biên Phủ, Phường 15, quận B, Thành phố H – Vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1981; Thường trú 47/5A, Khu phố 4, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 16/5/2011) – Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Phan Huy Khoát – Văn phòng luật sư Bách Việt thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất giày S.

Trụ sở chính: C2/29 ấp 3, Quốc lộ I, xã Bình Chánh, huyện B, Thành phố H.

*Người đại diện theo pháp luật*: Ông Ngô Công C – Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất giày S; Thường trú 117 Lạc Long Quân, Phường I, Quận 11, Thành phố H – Vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp*: Ông Lại Huy T1, sinh năm 1989; Thường trú Khu 4, Phường 2, thành phố B, tỉnh L; Địa chỉ liên lạc: 25/1A Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố H (Văn bản ủy quyền số 01/2016/GUQ ngày 11/7/2016 – BL 256) – Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông Ngô Công C, sinh năm 1925 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 117 Lạc Long Quân, Phường I, Quận 11, Thành phố H.

3.2. Văn phòng Công chứng G – Vắng mặt.

Địa chỉ: 214/B11 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận I, Thành phố H.

3.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H – Vắng mặt;

Trụ sở 32 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận I, Thành phố H.

3.4. Bà Trần Thị H, sinh năm 1984 – Vắng mặt.

Trú tại xã Long Thới, huyện C, tỉnh B.

3.5. Bà Dương Thị Thu H1, sinh năm 1964 – Vắng mặt.

3.6. Ông Kevil Ngô Thế V, sinh năm 1992 – Vắng mặt.

3.7. Ông Kieran Ngô Vinh Q, sinh năm 1996 – Vắng mặt.;

3.8. Ông Kenneth Ngô Trung C1, sinh năm 2002 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: 336 Cabr Rd, Cabr, NSW 2166 Australia

4. *Người kháng cáo*:

4.1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh P.

4.2. Văn phòng Công chứng G

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 16/3/2011 cùng các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh P và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ông Ngô Cảnh T là thành viên đứng tên sở hữu 19,20 % vốn điều lệ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất giày S (từ đây về sau gọi tắt là Công ty S). Ngày 03/8/2010, ông Ngô Cảnh T chết có di chúc để lại toàn bộ tài sản cho những người như sau: Dương Thị Thu H1 (vợ), Kevil Ngô Thế V (con), Kieran Ngô Vinh Q (con), Kenneth Ngô Trung C1 (con), Trần Thị H và Nguyễn Thị Minh P và giao cho bà P đại

diện các đồng thừa kế tiếp nhận và tham gia quản lý Công ty S với tư cách là thành viên, định đoạt phần vốn điều lệ do ông Ngô Cảnh T đứng tên.

Bà Nguyễn Thị Minh P đã nhiều lần yêu cầu người đại diện theo pháp luật của Công ty S là ông Ngô Công C tiến hành các thủ tục đăng ký thay đổi thành viên Công ty S theo quy định tại Khoản 1 Điều 45 Luật Doanh nghiệp, nhưng ông Ngô Công C không thực hiện.

Bà Nguyễn Thị Minh P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc người đại diện theo pháp luật của Công ty S phải làm thủ tục thay đổi thành viên Công ty S, công nhận bà Nguyễn Thị Minh P và những người thừa kế của ông Ngô Cảnh T là thành viên Công ty S thay cho ông Ngô Cảnh T đã chết.

*Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất giày S do người đại diện hợp pháp trình bày:*

1. Về việc ông Ngô Cảnh T mua cổ phần:

Bà Hà Thị Ngọc T2 chuyển nhượng cho ông Ngô Cảnh T số cổ phần của Công ty S trị giá 2.500.000.000 đồng. Ngày 10/01/2001, ông Ngô Công C ứng trước cho ông T trả cho bà T2 400.000.000 đồng, số còn lại 2.100.000.000 đồng ông T vẫn chưa trả cho bà T2 và ông Dương Ngọc H2 theo Bản án số 1099/DSST ngày 20/5/2005 của Tòa án nhân dân Thành phố H, số còn lại 2.100.000.000 đồng ông T vẫn chưa trả cho bà T2 theo Bản án số 1099/DSST ngày 20/5/2005 của Tòa án nhân dân Thành phố H.

2. Tính đến ngày 03/5/2012, Công ty S còn nợ Chi cục thuế huyện B các khoản thuế giá trị gia tăng và phạt chậm nộp 214.879.109 đồng; Thuế sử dụng đất 12.974.985.000 đồng; Phạt chậm nộp 24.068.285.874 đồng.

3. Tính đến ngày 21/6/2012, Công ty S còn nợ Chi cục thuế huyện B thuế giá trị gia tăng 100.000.000 đồng; Phạt vi phạm hành chính 52.638.855 đồng.

4. Trong thời kỳ ông Ngô Cảnh T làm Giám đốc, Công ty S nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – chi nhánh N đến nay chưa trả gồm nợ gốc 18.430.697.866 đồng, nợ lãi 18.994.218.407 đồng.

5. Về việc máy móc đầu giá: Công ty S đã bán đầu giá máy móc dây chuyền sản xuất giày để nộp trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – chi nhánh N tổng cộng 100.000.000 đồng.

6. Toàn bộ nhà xưởng của Công ty S ở địa chỉ C2/29 Quốc lộ IA, ấp 3, xã Bình Chánh, Thành phố H đã bán đầu giá 2.046.363.950 (trúng đầu giá là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Chế biến Xuất nhập khẩu T) đã nộp toàn bộ vào tài khoản của Công ty S tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – chi nhánh N.

Như vậy, Công ty S còn tồn đọng nợ tổng cộng 77.335.705.111 đồng (37.258.149.983 đồng + 37.424.916.273 đồng + 152.638.855 đồng + 2.100.000.000 đồng + 400.000.000 đồng). Số tiền nợ vật tư mua ngoài chưa tính được phần phát sinh và tiền lãi.

Đại diện Công ty S yêu cầu người thừa kế của ông Ngô Cảnh T góp vào theo tỉ lệ cổ phần 19,20 % với số tiền 14.848.455.381 đồng ( $77.335.705.111 \text{ đồng} \times 19,20\% = 14.848.455.381 \text{ đồng}$ ).

Nếu xóa tên ông Ngô Cảnh T (đã chết) ra khỏi thành viên Công ty S, chỉ còn lại một thành viên là ông Ngô Công C thì ông Ngô Công C đồng ý nhận trách nhiệm công nợ của Công ty S và nợ của bà Hà Thị Ngọc T2, ông Dương Ngọc H2 đã chuyển cổ phần 19,20% tên Ngô Cảnh T.

*Ngày 20/10/2016, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Ngô Công C trình bày:* Ông Ngô Công C rút lại toàn bộ nội dung về việc Ngô Cảnh T mua cổ phần của văn bản ngày 08/8/2012 do ông Ngô Công C đã khởi kiện, nội dung vụ việc đang giải quyết tại tòa. Việc mua bán cổ phần giữa ông Ngô Cảnh T và bà Hà Thị Ngọc T2 vào ngày 04/10/2001 đã được giải quyết. Trong trường hợp có tranh chấp, bị đơn sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Mặt khác, bị đơn không phản tố và cũng không nộp tạm ứng án phí phản tố. Khi cần thiết bị đơn sẽ kiện vụ kiện khác.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 320/2017/KDTM-ST ngày 24/3/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố H đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 634, 635, 636, 637, 659, 660, 661 Bộ luật dân sự 2005; Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 37, khoản 3 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh P là công nhận bà Nguyễn Thị Minh P, bà Dương Thị Thu H1, ông Kevil Ngô Thế V, ông Kieran Ngô Vinh Q, ông Kenneth Ngô Trung C1, bà Trần Thị H là những thành viên của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất giầy S theo tờ di chúc do ông Ngô Cảnh T lập ngày 30/7/2010 tại Phòng Công chứng G, chứng nhận vào tờ di chúc vào ngày 02/8/2010, số công chứng 004988, quyền số 13 TP/CC-SCC/HĐGD.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, lệ phí giám định và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/4/2017, bà Nguyễn Thị U là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 24/4/2017, Văn phòng Công chứng G có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đến ngày 12/10/2017 có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:*

Bà Nguyễn Thị U giữ nguyên kháng cáo đề nghị xem xét Bản án sơ thẩm xét xử sai vì chúng tôi chỉ khởi kiện yêu cầu Công ty S công nhận tư cách thành viên của bà Nguyễn Thị Minh P và những người thừa kế của ông Ngô Cảnh T là thành viên Công ty S thay cho ông Ngô Cảnh T đã chết, chúng tôi không có yêu cầu chia thừa kế nhưng Bản án sơ thẩm lại xét xử chia thừa kế là không đúng. Di chúc của ông Ngô Cảnh T lập ngày 30/7/2010 có công chứng chứng thực nhưng Bản án sơ thẩm lại áp dụng các

điều luật đối với di chúc không có công chứng chứng thực để xét xử là sai. Đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chúng tôi.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị xem xét Bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung xét xử sai. Đơn khởi kiện không có yêu cầu chia thừa kế nhưng lại xét xử chia thừa kế, phần án phí tính sai, kết quả giám định lần 1 xác định chữ ký trong di chúc là của ông Ngô Cảnh T, còn kết quả giám định lần 2 cho rằng chưa đủ cơ sở để kết luận, nhưng Bản án sơ thẩm lại cắt xén và cho rằng chữ ký trong di chúc không phải là của ông Ngô Cảnh T là sai. Di chúc của ông Ngô Cảnh T có công chứng chứng thực nhưng Bản án sơ thẩm lại áp dụng các điều luật đối với di chúc không có công chứng chứng thực để xét xử, từ đó bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng. Đề nghị hủy hoặc sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về kháng cáo của đương sự đề nghị xem xét theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật giám định tư pháp thì khi có sự khác nhau giữa kết luận giám định lần đầu với kết quả giám định lại thì phải giám định lại lần thứ hai do Hội đồng giám định thực hiện. Bản án sơ thẩm không trưng cầu giám định lại lần thứ hai mà lại căn cứ vào kết quả giám định lại để giải quyết là chưa đúng. Đề nghị hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Văn phòng Công chứng G có đơn ngày 12/10/2017 xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Văn phòng Công chứng G theo quy định tại khoản 2 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại văn bản ngày 16/5/2011 của bà Nguyễn Thị Minh P ủy quyền cho bà Nguyễn Thị U có quyền kháng cáo bản án; đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị U trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để xem xét giải quyết phúc thẩm.

[3] Trong đơn khởi kiện ngày 16/3/2011 và suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty S làm thủ tục thay đổi thành viên công ty do thành viên Ngô Cảnh T đã chết; Mặt khác nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh P cùng những người thừa kế của ông Ngô Cảnh T đều chưa phải là thành viên công ty. Do thành viên công ty là ông Ngô Cảnh T chết nên phát sinh giao dịch về chuyển nhượng (phát sinh quan hệ thừa kế) phần vốn góp giữa ông Ngô Cảnh T với những người thừa kế của ông Ngô Cảnh T. Những người thừa kế của ông Ngô

Cảnh T có tranh chấp với Công ty S trong việc xác định tư cách thành viên của họ. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: *“Tranh giữa người chưa phải là thành viên Công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với Công ty”* quy định tại khoản 3 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật *“Tranh chấp di sản thừa kế giữa thành viên công ty với công ty”* là không chính xác.

[4] Tại điểm h khoản 1 Điều 41 Luật Doanh nghiệp năm 2005 quy định: *“Thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có các quyền sau đây: Định đoạt phần vốn góp của mình bằng cách chuyển nhượng, để thừa kế, tặng cho và cách khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;”*

Tại khoản 1 Điều 45 Luật Doanh nghiệp năm 2005 quy định: *“Trong trường hợp thành viên là cá nhân chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của thành viên đó là thành viên của công ty”*.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh P căn cứ vào Di chúc của ông Ngô Cảnh T lập ngày 30/7/2010 tại Bệnh viện R được công chứng viên của Phòng Công chứng G chứng nhận vào ngày 02/8/2010, số công chứng 004988, quyển số 13 TP/CC-SCC/HĐGD để yêu cầu Công ty S lập thủ tục thay đổi thành viên, đưa bà Nguyễn Thị Minh P và những người thừa kế của ông Ngô Cảnh T làm thành viên Công ty S thay cho ông Ngô Cảnh T đã chết.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty S là ông Ngô Công C không công nhận bản Di chúc do bà Nguyễn Thị Minh P đưa ra với lý do chữ ký trong di chúc không phải của ông Ngô Cảnh T và hình thức, thủ tục công chứng di chúc trái quy định của pháp luật nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện.

Tại Kết luận giám định số 1828/C54B ngày 02/10/2014 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh (do Giám định viên Võ Tá Trần N thực hiện) kết luận: *“Chữ ký mang tên Ngô Cảnh T trên tài liệu cần giám định “Di chúc” đứng tên Ngô Cảnh T đề ngày 30/7/2010 (ký hiệu A) so với chữ viết đứng tên Ngô Cảnh T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M9 (nêu tại mục 2,2) là do cùng một người ký ra”*.

Tại Kết luận giám định số 223/C54B ngày 14/4/2016 của Viện khoa học hình sự (do Giám định viên Hà Thanh N1 thực hiện) kết luận: *“Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Ngô Cảnh T tại trang thứ tư trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên Ngô Cảnh T trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M9 có phải là chữ ký của cùng một người hay không”*.

Tại khoản 1 Điều 30 Luật giám định tư pháp năm 2012 quy định: *“Trong trường hợp có sự khác nhau giữa kết luận giám định lần đầu và kết luận giám định lại về cùng một nội dung giám định thì việc giám định lại lần thứ hai do người trưng cầu*

*giám định quyết định. Việc giám định lại lần thứ hai phải do Hội đồng giám định thực hiện”.*

Như vậy, đã có sự khác nhau giữa Kết luận giám định lần đầu (số 1828/C54B ngày 02/10/2014) và Kết luận giám định lại (223/C54B ngày 14/4/2016) về cùng một nội dung giám định. Tòa án cấp sơ thẩm không trung cầu giám định lại lần thứ hai (phải do Hội đồng giám định thực hiện) theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Luật giám định tư pháp năm 2012, nhưng Bản án sơ thẩm đã cho rằng không có căn cứ để xác định chữ ký trong di chúc là chữ ký của ông Ngô Cảnh T để từ đó bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đủ căn cứ.

Do việc thu thập chứng cứ của cấp sơ thẩm chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, nên hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và của luật sư là có căn cứ.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, lệ phí ủy thác tư pháp sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Minh P và Văn phòng Công chứng G không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 289; khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 1 Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Văn phòng Công chứng G.

3. Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 320/2017/KDTM-ST ngày 24/3/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố H và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố H giải quyết lại sơ thẩm.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, lệ phí ủy thác tư pháp được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

5.1. Bà Nguyễn Thị Minh P không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Minh P (do bà Nguyễn Thị U đại diện) tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) theo các biên lai số 0033969 ngày 05/4/2017, số 0044100 ngày 30/3/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

5.2. Văn phòng Công chứng G không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả cho Văn phòng công chứng G tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai 0034123 ngày 04/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

6. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân TP. H  
(Kèm hồ sơ vụ án);
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Công**

1. Biên lai số 0033969 ngày 05/4/2017 bà Uyên nộp TUAPPT 300.000 đ – BL 477
2. Biên lai số 0044100 ngày 30/3/2018 bà Uyên nộp TUAPPT 1.700.000 đ – BL 484
3. Biên lai số 0034123 ngày 04/5/2017 VPCCGD nộp TUAPPT 300.000 đ – BL 504
4. Phiếu thu của TANDTPHCM số 320 ngày 04/7/2018 lệ phí ủy thác tư pháp do ông Phan Duy Khoát nộp thay bà Uyên 20.000.000 đồng (BL 549)
5. Các biên lai số 0005511, 3 phiếu không rõ số (vì bị đóng ngày 05/4/2017 dấu bút lục chồng lên không đọc được) cùng ngày 06/6/2017 bà Uyên nộp phí ủy thác tư pháp 800.000 đ (mỗi phiếu 200.000 đồng) – BL 527 – 529.
6. Các biên lai số 0005512, 0005513, 0005514, 0005515 cùng ngày 06/6/2017 Văn phòng Công chứng Gia Định nộp phí ủy thác tư pháp 800.000 đ (mỗi phiếu 200.000 đồng) – BL 509 - 512.







